TOÁN

**BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 8**

I. MỤC TIÊU:

- Bước đầu thực hiện được phép trừ trong phạm vi 8.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; que tính cho cá nhân HS và cho GV; bảng phụ.

- Máy chiếu phóng to nội dung bài học trong SGK (nếu có thể).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG DẠY | HOẠT ĐỘNG HỌC |
| **HĐ 1**. Khởi động  - GV chia lớp thành 5 nhóm thi đua viết lại bảng trừ trong phạm vi 7 vào bảng nhóm. Nhóm nào nhanh và đúng nhất sẽ chiến thắng.  **HĐ 2.** Hình thành bảng trừ trong phạm vi 8  *a. Phép trừ 8 – 1 = 7*  Cho HS tự trải nghiệm để tìm ra phép trừ 8 – 1 = 7. Cụ thể như sau:  - GV lấy 8 que tính trong bộ ĐDDH giơ lên trước lớp và yêu cầu từng HS trong lớp lấy ra 8 que tính (trong bộ ĐDHT cá nhân) đặt rải ra trên bàn học.  - GV giơ 8 que tính lên trước lớp và hỏi HS cả lớp:  + Ta có mấy que tính?  + Bây giờ các em bớt đi một que tính, hỏi còn lại mấy que tính?  - Yêu cầu HS tự làm cá nhân (bớt đi một que tính) và GV cũng làm như vậy trước lớp.  - GV gọi vài ba HS lần lượt trả lời (còn 7 que tính)  - GV hướng dẫn HS trả lời đầy đủ “Tám que tính, bớt đi một que tính còn bảy que tính”.  - GV gọi một vài HS nêu lại.  - GV thực hiện lại lần nữa, vừa làm vừa giơ trước lớp để HS quan sát, kết hợp nói trước lớp “Tám que tính, bớt đi một que tính còn bảy que tính”. Vậy: “Tám trừ một bằng bảy”.  - Yêu cầu HS cả lớp đồng thanh nhắc lại: “Tám trừ một bằng bảy” và GV viết lên bảng: 8 – 1 = 7.  b. *Các phép trừ còn lại ở bảng trừ trong phạm vi 8*  Cho HS tự trải nghiệm bằng que tính với các phép trừ 8 – 2 = 6 và 8 – 3 = 5 (với cách làm tương tự như phép trừ 8 – 1 = 7) để củng cố niềm tin, sau đó GV có thể nêu:  Các em cũng làm như vậy sẽ được các phép trừ:  8 – 4 = 4; 8 – 5 = 3;  8 – 6 = 2; 8 – 7 = 1  và ta có bảng trừ trong phạm vi 8.  Như vậy phần trình bày trên bảng của GV là toàn bộ bảng trừ trong phạm vi 8 (trình bày các phép trừ dọc bảng).  - GV gọi một vài HS đọc bảng trừ trong phạm vi 8 ở trên bảng, còn lại yêu cầu cả lớp đọc thầm.  **HĐ 3.** Thực hành – luyện tập  **Bài 1.** HS nêu yêu cầu của bài, cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán rồi gọi một vài HS đọc kết quả, HS khác nhận xét, GV kết luận.  **Bài 2**. Hướng dẫn HS nêu bài toán (tìm số thích hợp thay vào dấu ?) và cách làm bài rồi làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS đổi vở kiểm tra chéo.  *Lưu ý:* Khi chữa bài 1 và bài 2, GV có thể cho HS đứng tại chỗ đọc lại kết quả các phép tính đã làm, chẳng hạn: “8 trừ 4 bằng 4” (bài 1) hay “Tám trừ ô trống bằng năm, tìm được số 3 thích hợp vì 8 trừ 3 bằng 5” (bài 2).  **Bài 3.** GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của bài và phân tích bài: so sánh hai số rồi chọn dấu (<, >, =), trong đó có một hoặc hai số cho không tường minh (là kết quả của một phép tính trừ hoặc phép tính cộng). Vì vậy, để so sánh được ta phải làm gì? (thực hiện phép tính trừ hoặc phép tính cộng, kết quả là hai số. Sau đó so sánh hai số đó để chọn dấu (<, >, =) cho phù hợp. Từ đó HS rút ra các bước làm bài này.  Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chéo vở cho nhau và GV chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ). **HĐ 4.** Vận dụng  **Bài 4.** BT này gắn một tình huống của bài toán bằng một phép tính trừ ứng với một bức tranh gần gũi với cuộc sống của HS. Với dạng BT này, cần khuyến khích HS chọn ra được phép trừ phù hợp với tình huống của bài toán. Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau. GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chữa bài.  **HĐ 5.** Củng cố  Củng cố bài: GV cho HS nêu lại các phép trừ trong phạm vi 8 (có thể nhìn vào bảng trừ trong phạm vi 8 trên bảng và trả lời bằng miệng). | - 5 nhóm thi đua.  - HS lấy que tính thực hiện theo.  - HS trả lời: Có 8 que tính.  - HS trả lời: Còn 7 que tính.  - HS thực hiện.  - HS trả lời.  - HS nêu: Tám que tính, bớt đi một que tính còn bảy que tính.  - HS nhắc lại.  - HS thực hiện.  - HS đọc.  - HS làm vào VBT.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS làm vào VBT.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - HS thực hiện. |

TOÁN

**LUYỆN TẬP**

I. MỤC TIÊU:

- Thuộc bảng trừ trong phạm vi 8.

- Vận dụng được bảng cộng, bảng trừ đã học để tính toán và xử lí các tình huống trong cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- SGK Toán 1; Vở bài tập Toán 1; bảng phụ.

- Máy chiếu (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG DẠY | HOẠT ĐỘNG HỌC |
| **HĐ 1**. Khởi động  - GV chia lớp thành các nhóm rồi tổ chức thi “*Tiếp sức*” giữa các nhóm: yêu cầu các nhóm viết bảng trừ trong phạm vi 8 vào bảng phụ. Nhóm nào viết đúng, đủ và nhanh nhất là nhóm thắng cuộc. GV nhận xét chung về cuộc thi.  **HĐ 2.** Luyện tập, củng cố về bảng cộng, bảng trừ đã học và thực hành tính  **Bài 1.** HS tính nhẩm, gọi một vài HS trả lời miệng, HS khác nhận xét. GV nhận xét, sửa sai sót cho HS hoặc có thể tổ chức dưới dạng trò chơi “*Ném bóng*”.  **Bài 2.** HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, GV hướng dẫn HS (yếu, chậm) cách làm: Trước hết cần phải thực hiện phép tính (cộng hoặc trừ hai số, chẳng hạn 7 + 2), kết quả là một số (7 + 2 = 9), bài toán tiếp theo là 9 < ?, ta tìm số thích hợp trong các số đã cho (0, 1, 4, 7, 10) thay vào dấu ?. Rõ ràng chỉ có 10 thoả mãn 9 < 10. Vậy phải chọn số 10 ở bài toán trên. GV chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ).  **Bài 3.** Cho HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán, HS kiểm tra lẫn nhau bằng cách đổi chéo vở cho nhau và GV chữa bài (có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ). Lưu ý HS thực hiện các phép tính từ trái sang phải.  **Bài 4.** HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán. Từng cặp HS kiểm tra bài làm của nhau và GV nhận xét bài làm của HS.  **HĐ 3.** Vận dụng  **Bài 5.** BT này gắn một tình huống của bài toán bằng một phép tính ứng với một bức tranh gần gũi với cuộc sống của HS. Cần khuyến khích HS chọn ra được phép tính phù hợp với tình huống của bài toán. Có thể chia nhóm để HS trao đổi, tranh luận với nhau. GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chữa bài.  *Đáp án:* 8 – 3 = 5.  **HĐ 4.** Củng cố  Có thể tổ chức trò chơi “*Hái hoa dân chủ*”, các bông hoa là những phép tính trừ trong phạm vi 8 đã học. | - HS chơi trò chơi.  - HS thực hiện.  - HS làm bài vào VBT.  - HS làm vào VBT.  - HS làm vào VBT.  - HS làm bài nhóm.  - HS đọc đề.  - HS thực hiện.  - HS chơi trò chơi. |